

Số: 831/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 08 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Công bố 04 thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 04 thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm soát TTHC-Văn phòng Chính phủ;
- Các Chi cục: Kiểm lâm (Sở NNPTNT sao gửi);
- Phòng NN và PTNT, Phòng Kinh tế, UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện sao gửi);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT Sở NNPTNT;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành

Phụ lục

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số: 934/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



PHẦN DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực Lâm nghiệp	
1	Thủ tục khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng sản xuất
2	Khai thác tận dụng gỗ rừng tự nhiên trên diện tích đất rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác hoặc thực hiện các biện pháp lâm sinh
3	Khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ trong rừng sản xuất theo quy định của pháp luật
4	Thủ tục xác nhận của UBND cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên trong nước, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân

PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng sản xuất

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng sản xuất chuẩn bị hồ sơ theo quy định. Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc gửi theo đường bưu điện.

Bước 2: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn đề tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể theo mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương (sau đây viết gọn là Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg);

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ nhập vào Sổ theo dõi hồ sơ theo mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg và phần mềm điện tử (nếu có); lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg.

Bước 3: Cá nhân, hộ gia đình, tổ chức nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trả kết quả qua dịch vụ bưu chính.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ: Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ các ngày nghỉ, ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Bảng kê lâm sản khai thác

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

đ) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Các tổ chức.



- Hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư thôn

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Theo mẫu Phụ lục 2: Mẫu bảng kê lâm sản khai thác (Kèm theo Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

h) Phí, lệ phí: Không

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thống nhất

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điều 6 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.



Phụ lục 2: Mẫu bảng kê lâm sản khai thác
(Kèm theo Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

BẢNG KÊ LÂM SẢN KHAI THÁC

1. Thông tin chung

- Tên chủ rừng, hoặc đơn vị khai thác

- Thời gian thực hiện.....

- Địa danh khai thác: lô.....khoảnh.....tiểu khu.....;

- Diện tích khai thác:ha (nếu xác định được);

2. Sản phẩm đăng ký khai thác, tận thu: (thống kê cụ thể theo từng lô, khoảnh)

Khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản khác:

TT	Địa Danh			Loại lâm sản	Khối lượng (m ³ , cây, tấn)
	Tiểu khu	Khoảnh	Lô		
1	TK 150	K 4	a	Song mây	1000 cây
			b	Bời lời	Tấn
Tổng					

Xác nhận(nếu có)
(ký tên ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Chủ rừng /đơn vị khai thác

2. Khai thác tận dụng gỗ rừng tự nhiên trên diện tích đất rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác hoặc thực hiện các biện pháp lâm sinh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu khai thác tận dụng gỗ rừng tự nhiên trên diện tích đất rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác hoặc thực hiện các biện pháp lâm sinh chuẩn bị hồ sơ theo quy định. Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc gửi theo đường bưu điện.

Bước 2: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể theo mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương (sau đây viết gọn là Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg);

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ nhập vào Sổ theo dõi hồ sơ theo mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg và phần mềm điện tử (nếu có); lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg.

Bước 3: Cá nhân, hộ gia đình, tổ chức nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trả kết quả qua dịch vụ bưu chính.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ: Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ các ngày nghỉ, ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Bảng kê lâm sản khai thác

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

đ) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Theo mẫu Phụ lục 2: Mẫu bảng kê lâm sản khai thác (Kèm theo Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

h) Phí, lệ phí: Không

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thống nhất

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 8 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.

Phụ lục 2: Mẫu bảng kê lâm sản khai thác
(Kèm theo Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

BẢNG KÊ LÂM SẢN KHAI THÁC

1. Thông tin chung

- Tên chủ rừng, hoặc đơn vị khai thác

- Thời gian thực hiện.....

- Địa danh khai thác: lô.....khoảnh.....tiểu khu.....;

- Diện tích khai thác:ha (nếu xác định được);

2. Sản phẩm đăng ký khai thác, tận thu: (thống kê cụ thể theo từng lô, khoảnh)

Khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản khác:

TT	Địa Danh			Loài lâm sản	Khối lượng (m ³ , cây, tấn)
	Tiểu khu	Khoảnh	Lô		
1	TK 150	K 4	a	Song mây	1000 cây
			b	Bời lời	Tấn
Tổng					

Xác nhận(nếu có)
(ký tên ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Chủ rừng /đơn vị khai thác

3. Thủ tục khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ trong rừng sản xuất theo quy định của pháp luật

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu Khai thác, tận dụng, tận thu lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ trong rừng sản xuất theo quy định của pháp luật chuẩn bị hồ sơ theo quy định. Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc gửi theo đường bưu điện.

Bước 2: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể theo mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương (sau đây viết gọn là Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg);

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ nhập vào Sổ theo dõi hồ sơ theo mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg và phần mềm điện tử (nếu có); lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg.

Bước 3: Cá nhân, hộ gia đình, tổ chức nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trả kết quả qua dịch vụ bưu chính.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ: Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ các ngày nghỉ, ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Bảng kê lâm sản khai thác

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

đ) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư thôn

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Theo mẫu Phụ lục 2: Mẫu bảng kê lâm sản khai thác (Kèm theo Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

h) Phí, Lệ phí: Không

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thống nhất

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 11 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.

Phụ lục 2: Mẫu bảng kê lâm sản khai thác
(Kèm theo Thông tư số 21 /2016/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2016
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

BẢNG KÊ LÂM SẢN KHAI THÁC

1. Thông tin chung

- Tên chủ rừng, hoặc đơn vị khai thác

- Thời gian thực hiện.....

- Địa danh khai thác: lô.....khoảnh.....tiểu khu.....;

- Diện tích khai thác:ha (nếu xác định được);

2. Sản phẩm đăng ký khai thác, tận thu: (thống kê cụ thể theo từng lô, khoảnh)

Khai thác, tận dung, tận thu lâm sản khác:

TT	Địa Danh			Loài lâm sản	Khối lượng (m ³ , cây, tấn)
	Tiểu khu	Khoảnh	Lô		
1	TK 150	K 4	a	Song mây	1000 cây
			b	Bời lời	Tấn
Tổng					

Xác nhận(nếu có)
(ký tên ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Chủ rừng /đơn vị khai thác

4. Thủ tục xác nhận của UBND cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên trong nước, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ nộp hồ sơ yêu cầu xác nhận nguồn gốc tại UBND xã, phường, thị trấn (gọi tắt là UBND cấp xã) nơi đang có cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ đề nghị xác nhận chuẩn bị hồ sơ theo quy định. Nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc gửi theo đường bưu điện.

Bước 2: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn đề tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể theo mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương (sau đây viết gọn là Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg);

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ nhập vào Sổ theo dõi hồ sơ theo mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg và phần mềm điện tử (nếu có); lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg.

Bước 3: Kiểm lâm địa bàn kiểm tra hồ sơ, tham mưu Ủy ban nhân dân xã xác nhận

- Thời gian xác nhận và trả kết quả xác nhận không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp kiểm tra hồ sơ và cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ đảm bảo đúng quy định thì tiến hành xác nhận ngay.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì UBND cấp xã có trách nhiệm thông báo cho chủ cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ biết và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

+ Trường hợp cần phải xác minh về nguồn gốc của cây trước khi xác nhận thì UBND cấp xã thông báo cho chủ cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ biết và tiến hành xác minh những vấn đề chưa rõ về hồ sơ, nguồn gốc, số lượng, khối lượng, loài cây; kết thúc xác minh phải lập biên bản xác minh. Sau khi xác minh, nếu không có vi phạm thì tiến hành ngay việc xác nhận. Thời gian xác nhận trong trường hợp phải xác minh tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp xác minh phát hiện có vi phạm thì phải lập hồ sơ để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Người đại diện UBND cấp xã xác nhận phải ghi ý kiến xác nhận của mình về các nội dung do chủ cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ đã ghi trong hồ sơ, kê cả số, ngày, tháng, năm ghi trong hoá đơn kèm theo, biên kiểm soát của phương tiện vận chuyển (nếu có); ngày, tháng, năm xác nhận; ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu của cơ quan tại bảng kê, chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác và nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ hợp pháp khi xác nhận.

Kiểm lâm địa bàn phải ký vào bảng kê lâm sản và cũng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác và nguồn gốc hợp pháp của cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ.

Bước 4: Tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trả kết quả qua dịch vụ bưu chính.

Thời gian tiếp nhận và trả hồ sơ: Buổi sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 00, buổi chiều từ 13 giờ 00 đến 17 giờ 00 từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ các ngày nghỉ, ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Bảng kê cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ theo mẫu;

+ Hoá đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính (nếu có);

+ Tài liệu về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ.

-Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ (bản chính).

d) Thời hạn giải quyết

- Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh).

- Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ).

đ) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Trạm kiểm lâm.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân là chủ cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ trong các trường hợp sau:

- Cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức xuất ra;

- Cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bảng kê cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ (Mẫu 1 ban hành kèm theo Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Kết quả: Xác nhận trên bảng kê cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ.

- Thời hạn hiệu lực của kết quả: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

